

Bài 10: Nạn Đói Năm Ất Dậu (1945)

Quang Thiện

Hơn 2 triệu người đã chết vì đói.. Cả nhà đói, cả dòng họ đói, cả làng cả xóm cùng đói. Cái đói kinh hoàng năm Ất Dậu 1945.

NẠN ĐÓI NĂM 1945

Ngoài những lý do thiên nhiên như thời tiết, lụt lội, nạn đói này còn do con người tạo ra cho con người, trong đó hai tác nhân chính là Pháp, Nhật và có một tông phạm là Việt Minh Cộng Sản.

Pháp và Nhật đã cố tình thi hành chính sách nông nghiệp nhằm cung ứng cho tình trạng chiến tranh của họ. Pháp và Nhật cố tình thu mua với giá rẻ mạt tất cả lúa gạo do nông dân sản xuất, để xuất khẩu sang Nhật và để nuôi quân, nhất là nuôi quân Nhật ở Trung Hoa. Do áp lực của Nhật, nhà cầm quyền Pháp còn ra lệnh một cách độc đoán buộc nông dân Việt phải thay đổi cách thức canh tác, từ độc canh cây thực phẩm, qua đa canh vừa cây thực phẩm, vừa cây kỹ nghệ. Nói cách khác, người Pháp buộc giới nông gia Việt Nam phải bỏ bớt các cánh đồng lúa để trồng bông vải, đay, gai, cây có dầu. Những cây kỹ nghệ này vừa để đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu của Đông Dương vì đường nhập cảng từ Pháp gặp khó khăn, vừa để cung ứng cho thị trường Nhật.

Bên cạnh đó, Việt Minh lợi dụng nạn đói để tuyên truyền. Để có gạo nuôi cán bộ và chiêu dụ những người bị đói, Việt Minh tổ chức cướp các kho gạo cứu đói, và khi miền Nam gửi gạo ra bắc để tiếp tế, Việt Minh cướp những chuyến xe hay tàu thuyền gửi gạo, đem lên chiến khu. Hành động này làm cho nạn đói thêm trầm trọng. Chính nhạc sĩ Văn Cao đã có lần xác nhận ông theo Việt Minh vì ông và gia đình ông đói quá.

Từ mùa thu năm 1944 đến mùa đông năm 1945, số người chết đói ước chừng trên 2.000.000 người, trong đó những tỉnh bị nặng nhất là Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, và Ninh Bình. Nạn đói năm 1945 làm chết 2.000.000 đồng bào Việt, mà cả Pháp và Nhật cho đến nay không một lời xin lỗi, và chế độ cộng sản trong nước im lặng vì chính Việt Minh, tiền thân của đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay, cũng là một tông phạm.

BÀN CHÂN QUỶ ĐÓI

Ông lão khoan thai quắc thước không giấu vẻ mãn nguyện của cảnh đê huê phúc lộc. Ông là Lại Thanh Hằng, người thôn Trung Tiến, tuổi 77, sức vẫn khang cường, vợ chồng yên ấm, nhà cửa đàng hoàng. Gần chục người con đều đã nên gia thất, tài danh hưng vượng. Nhưng câu chuyện của năm 1945 xa xưa ấy đã làm ông bật khóc. Tiếng nấc khô khốc và giọt nước mắt người già thấm qua những nếp nhăn sâu hằn, bật lên nỗi đau khổ tột cùng. Ông kể:

Ngày ấy, gia đình ông cũng như bao nông dân khác nối đời sống bên ruộng lúa, vườn khoai. Cái bóng của đồn Tây và cổng đình bao năm đè nặng kiếp người. Đường làng khi in thêm dấu giày lũ Nhật thì cuộc sống ngày càng ngột ngạt bởi sưu cao thuế nặng. Cái khô ngái của giong, khoai, củ chuối... ngày một đậm đặc trong nôi cơm.

Thế nhưng nạn đói tàn khốc nhất lịch sử chính thức ập đến từ vụ mùa năm 1944. Năm ấy diêm trời hung dữ khác thường. Không chỉ cánh đồng mấy trăm mẫu của Tây Lương mà khắp nơi đâu đâu lúa cũng chết vàng. Lúa dâu, lúa di, lúa tám đều bị hoàng trùng (nay gọi là rầy) phá hết. Nhà ông cấy 2 mẫu nhưng sau khi trừ tô thuế đem về được hơn 1 tạ thóc. Đó là lương thực của bốn người lớn trong suốt sáu tháng dài ròng rã.

Bố mẹ ông bàn tính gì đó, rồi mỗi bữa cơm cắt bớt phần gạo. Dần dần bớt cả bữa ăn. Năm đó ông 17 tuổi, sức đương trai nhưng mỗi ngày cũng chỉ có nửa bát cơm, hai củ khoai. Sau rồi mỗi sáng ông đi chăn trâu, mẹ ông cho một nắm thóc rang vừa đầy một lòng bàn tay. Ông gói qua mấy lần lá, rồi vài tiếng lại lấy ra vĩa vào mồm nhai cả trâu, chia đều cho cả ngày dài.

Đêm đêm gia đình ông hì hụp ngoài sông Sứ cất vó tép. Ba, bốn người ngoi ngóp cả đêm may ra hôm sau đem ra chợ đổi được một chén thóc. Có hôm không ai mua thì đem về đổ vào nồi nấu cháo. Đầu tháng Giêng, mẹ ông bắt đầu đem nồi đồng, mâm, ấm, lư hương, tử thờ... đi bán.

Rồi bố ông dắt trâu xuống huyện cầm cố đem về được 2 yến thóc. Mẹ ông giấu lúa vào bì, lấy gỗ đá, cối xay chát lên làm sao để không ai có thể lấy ra được. Chỉ mình bà biết một cái lỗ thông bằng mắt trâu có thể thọc tay móc ra ít một. Thịnh thoảng bố ông nói: “*Bọn cướp đang rình nhà mình...*”; rồi ông kê chõng ngủ bên ngoài với một cái thùng sặc.

Nhà ông bắt đầu phải giết chó, giết lợn, giết gà... Không chỉ để ăn, mà bởi cũng không còn gì để nuôi nó. Có nhà phải giết chó mẹ và 4 chó con vừa mở mắt. Hết gia súc, gia cầm, người ta đào củ chuối, hái rau rệu, rau má, bẻ cây ngô, mò ốc, đào

cua, bắt cà niễng, cào cào, châu chấu... để ăn. Cầm cự đói, nhà ông cùng dân làng ra đồng bắt chuột.

Chuột năm ấy chậm chạp, lại dạn người có lẽ cũng vì đói và liều nên rất dễ bắt. Thời gian đầu còn chuột thì chúng được nấu giả cây, nướng lá chanh, hấp chấm muối, bó giò... Nhà ông còn kho đen mấy nồi đất toàn chuột nấu đông ăn dần. Sau hiêm chuột, bắt được một con cả nhà mừng như phá cỗ, nướng qua loa rồi xé vụn vàng ăn...

Tất cả các loại cây đu đủ, dứa dại, chuối, giong... ngoài đường, trong vườn đều bị đốn ăn không còn một mống. Có gia đình đói quá nghiền trấu, trộn mùn cưa vào cháo ăn. Cháo ít hồ dền, cuối cùng toàn mùn cưa với trấu. Làng bên còn có người ăn cả đất. Lại có người ngày nào cũng chạy theo mấy con ngựa của Nhật, Tây để hốt phân của nó về đãi lấy hạt ngô chưa bị tiêu hóa để ăn...

Cái đói giày vò, đày đọa con người đến cùng cực. Nó cào ruột suốt ngày đêm. Nó mở banh con mắt không cho ngủ. Nó kéo bàn chân lê khắp ruộng, khắp làng. Nhà mình đói, làng mình đói thì nhà người ta, làng người ta cũng đói nên có gì đâu mà kiếm. Nhưng cái đói nó không cho ngồi, nó bắt phải đi. Kê cả đi đến nơi mà hôm qua vừa bỏ về...

Làng quê tan hoang xơ xác. Cỏ dại lút đầu gối mọc khắp đường đi, sân nhà, ngõ xóm. Tiếng trẻ con khóc như mèo hoang ai oán suốt đêm. Người người đổ hết ra đường, lê la ngoài bụi chuối, cánh đồng. Cái lạnh thấu xương, bóng đêm đen đặc xuyên qua cái tết lúc nào chẳng hay... Cả thế gian là một màu vàng vọt, xiêu vẹo của đói và đói... Bắt đầu đã có người chết đói trong làng...

NGƯỜI KHIÊNG XÁC

Chỉ ra vườn chuối phía sau nhà, ông Hằng nghẹn ngào nói:

“Cái chết đau thương nhất đói với tôi là bác Ngánh, đó là bác ruột tôi và cũng là một trong những người đầu tiên của thôn chết đói.

Thật ra thì bắt đầu khoảng rằm tháng Giêng đã có người chết đói ngoài chợ, ngoài đồng. Những gương mặt phù thũng, những ánh mắt thất thần, những thân hình tiều tụy dúm dỏ bên đồng rạ, bụi chuối... đã mang nặng bóng dáng của thân chết rồi.

Nhưng nửa đêm nghe tiếng khóc khô khản vẳng ra từ nhà người thân thì tôi thật sự hãi hùng. Bác Ngánh chết lạnh cứng đờ, người co quắp trong ổ rơm. Lật thân hình da bọc xương, dúm dỏ trong mấy miếng vải rách nát, tôi thấy mấy sợi rơm còn vương trong miệng bác. Đó cũng là người đầu tiên trong họ nhà tôi chết đói.”

Khiêng người bác ra đồng chôn, về đến nhà lại có người nhờ bố con ông Hằng đi chôn người chết. Và bắt đầu từ đây người chết đói trong làng đếm không xuể. Bố con ông Hằng là một trong số ít người còn đủ sức để chuyên đi chôn người chết.

Hồi tháng Hai, tháng Ba, người chết còn được chôn bó chiếu. Sau đến tháng Tư, năm cả làng chết đến mấy trăm người thì không ai còn sức, chẳng nhà nào còn đủ chiếu chôn thì bó xác người bằng vó, bằng lưới, vùng biển thì bằng mảnh buồm. Có khi bó một người lớn với hai ba đứa nhỏ trong một tấm vó.

Ông Hằng thấp hơn nên thường đi trước. Ông nhớ có hôm mình phải đi chôn 4-5 người, mệt quá không nhắc cao tay lên được. Cái đầu người chết thả trĩ xuống đất cứ đập bình bịch vào gót chân ông theo mỗi bước đi. Ông Hằng trở thành người chuyên chôn xác đói lúc nào không hay.

Bà Hoàng Thị Chén, 87 tuổi, người thôn Hiên, nói:

Thôn này lúc cao điểm một ngày chết mấy chục người. Cả người thôn mình lẫn người nơi khác đến đây rồi chết.

Cứ sau mỗi đêm lạnh là lại la liệt xác người trong nhà ngoài ngõ, giữa đồng. Tuần đình lấy dây buộc vào cổ tay, cổ chân, cổ họng người chết rồi kéo lê ra hố quăng xuống. Sau này chồng bà cùng những người khác đào hố lên thấy có những đám cả 4-5 người bị chôn ở tư thế ngồi, họng còn thắt sợi dây thép.

Ông Lê Văn Bình ở huyện Đông Hưng còn kể:

Bấy giờ ở những khu phố hay cổng làng nhà giàu, quan lại người ta còn phải thuê người đem xác dân chết đói đi chôn, tránh thối rữa trong làng xã, khu phố. Giá ban đầu là một đồng một xác người, sau hạ xuống 5 rồi 3 hào. Có tay làm ăn dối trá, đào hố nông choèn, vùi lấp qua loa. Vài ngày chuột, quạ, sáo bọ lại bới lên thối không chịu được...

Ngoài các chính sách tô cao thuế nặng, Nhật còn đưa ra một “chương trình kinh tế chỉ huy” nhằm thực hiện một cách triệt để chủ trương Phát-Xít của mình.

Cụ thể, bắt đầu từ ngày 6 tháng 5 năm 1941 Nhật buộc Pháp ký một hiệp ước kinh tế yêu cầu Pháp phải cung cấp lương thực ở Đông Dương cho Nhật hằng năm.

Bốn năm liền từ 1941-1944 Nhật-Pháp đã ký bốn hiệp định giao nộp lúa, ngô cho Nhật mỗi năm từ 700.000-1,3 triệu tấn, tương đương 50-80% tổng sản lượng lương thực VN thời đó.

Để phục vụ chiến tranh, Nhật còn cần rất nhiều nguyên liệu từ những cây trồng có sợi, có dầu như đay, gai, bông, thầu dầu... nên chúng đã bắt rất nhiều vùng quê nhỏ lúa trồng đay và các loại cây trên.

Tài liệu của người Pháp thống kê: năm 1944 Việt Nam trồng tới 45.000 hecta đay, gấp chín lần diện tích của năm 1940 do 10 công ty độc quyền của Nhật thu mua, chế biến, kinh doanh thứ cây này.

Cũng theo tài liệu trên, chiến tranh của đồng minh với Nhật tại Đông Dương khiến 50% hệ thống giao thông Nam-Bắc VN bị phá hủy, 90% phương tiện vận tải bị hư hỏng khiến việc đưa lương thực cứu trợ từ Nam ra Bắc càng thêm khó khăn.

Chiến tranh làm cho nhu cầu nhiên liệu: than, dầu, điện của Nhật tăng cao. Chúng đã lấy ngô, vừng, lạc và cả lúa gạo để thay thế những nhiên liệu này, đẩy người dân vào thảm họa chết đói.

DƯỚI ĐÁY CỦA ĐỊA NGỤC

Chết vì đói là cái chết đáng sợ nhất của bất cứ sinh vật nào. Cái chết đến từ từ, không ngừng giày xéo, dày dạn con người trong đau đớn, tủ nhục và sợ hãi. Thế nhưng nạn đói năm 1945 còn gây nên những tấn thảm kịch mà không ai có thể tưởng tượng được.

NHÀ HOANG – LÀNG TRẮNG

Trong căn nhà bê tông lát gạch được tô điểm bằng những chậu hoa, cây cảnh điệu dàng, gia đình ông Tô Văn Nuôi (xóm Trại, Tây Lương-Thái Bình) rộn rã tiếng cười quanh đứa bé 5 tháng tuổi bụ bẫm đáng yêu như hòn ngọc quý. Ông Nuôi là người đàn ông duy nhất trong dòng họ Tô của xóm Trại sống sót qua nạn đói 1945.

Bà Duy – cô ruột của ông, năm nay 87 tuổi – kể lại:

Chính trên nền đất này bố tôi đã chết hồi tháng hai năm đó. Mấy tuần sau mẹ tôi chết cứng lạnh khi ba chị em tôi vẫn ôm bà ngủ trong ổ rơm. Cả họ chết dần và đến tháng Tư còn lại một mình nó (ông Nuôi)...

Ông Nuôi khi ấy mới 5 tuổi nhưng bà Duy cũng không biết làm thế nào giúp cháu. Thậm chí bà cũng không còn nhớ là có một đứa cháu bị đánh rơi, bởi chính chồng con bà cũng chết vì đói, bản thân bà cũng đã phù thũng mặt mày, nằm gục rồi lại dậy, không biết còn sống đến hôm nào.

Ông Nuôi cũng không còn nhớ chút gì về gương mặt, tình cảnh hay cái chết của bất cứ ai trong nhà mình. Ông chỉ biết rằng một mình ông hết sáng lại tối, không quần áo bò lê quanh nền bếp đầy rơm, muối và thạch sùng. Nhà không một bóng người. Xóm cũng không ánh đèn, không tiếng người, tiếng chó. Ông Nuôi không thể nhớ mình đã sống qua ngày ấy như thế nào, đó là địa ngục hay trần gian. Ông nói:

Có lẽ tôi bóc tất cả những gì mình gặp để cho vào mồm. Khóc rồi bò. Bò rồi ngủ...

Mãi 15 năm sau, khi ông lấy vợ thì căn nhà ấy mới có thêm một con người.

Bà Hoàng Thị Chén (thôn Hiên, Tây Lương) kể rằng mỗi đêm làng lại thưa thớt thêm vài ánh đèn. Ấy là khi lại có nhà chết hết hoặc chết gần hết và bỏ đi. Thậm chí nhiều làng, nhiều xóm không còn một ai. Vườn chuối nhà bà hôm nay, năm đó là nhà ông Hoàng Bê, họ hàng của bà.

Một hôm bà thấy mùi hôi thối bốc lên nồng nặc, chạy sang thì cả sáu người nhà ông Bê nằm chết dụi mỗi người một xó. Thấy người thối rữa, chuột, bọ, kiến, muỗi... nhâu nhâu. Dân làng đến kéo sập mái nhà vách đất rồi châm lửa đốt...

Ông Lại Thanh Hằng (thôn Trung Tiến, Tây Lương) cũng kể khi nghe báo nhà bà Lựt chết cả ba mẹ con trong bếp, chuột ăn, bọ rúc hết rồi..., dân làng lấy xẻng xúc đất lấp nhà bà Lựt.

Chuyện tương tự đã diễn ra ở cả ba gia đình thuộc xã Quảng Đại, Quảng Xương, Thanh Hóa. Đó là nhà ông Cao Nhuận Sặng, Trình Văn Tự, Nguyễn Văn Tự đều chết cả nhà, không ai chôn được nên làng kéo sập nhà vùi tại chỗ.

Dòng họ Tô của ông Nuôi có 35 người thì chết 31 người. Dòng họ Hoàng của nhà ông Hoàng Bê có 31 người – chết 26 người, còn hai người nữa sống chết nơi nào chẳng rõ. Tình trạng chết cả nhà, cả dòng họ, cả xóm, thậm chí cả làng không còn một người diễn ra ở không ít địa phương miền Bắc lúc bấy giờ.

Riêng ở xóm Bồi Xuyên, xã Tây Lương có 51 hộ thì 40 hộ có người chết đói. Trong đó 18 hộ chết không còn ai. Hai dòng họ Tô và Lại gần như bị xóa sổ. Tỷ lệ chết đói là 62%. Đặc biệt xóm Trại ở thôn Thượng có 21 hộ, 82 nhân khẩu đều chết không còn một ai. Xóm bị xóa sổ.

BI THƯƠNG HƠN CHẾT ĐÓI

Ông Nguyễn Văn Thiết (xã Tây Ninh, Tiền Hải - Thái Bình) nói:

Tôi không nhớ là nhà ai trong xã, chỉ biết rằng đôi vợ chồng trẻ ấy mới sinh được đứa con đầu lòng chưa đầy ba tháng tuổi. Đói quá, chồng chết từ mấy hôm trước. Vợ không còn sữa cho con bú, không có gì để ăn nên để con ở nhà lang thang đi kiếm ăn.

Không kiếm được gì, người mẹ biết mình sẽ chết, không thể về vì đường xa, bụng đói, sức tàn. Gặp người làng, chị nhờ trông hộ con. Nhưng khi người đó về tới nhà chị thì thấy đứa bé chỉ còn trơ cái cằm chân tím đen ruồi, kiến bu kín. Nền nhà đầy vết chân chó và máu. Người ta nói đêm nọ nghe trong nhà có tiếng kêu như mèo con. Chắc chó hoang ở đâu đói quá vào ăn thịt đứa trẻ.

Cũng còn rất nhiều chuyện trẻ sơ sinh không người trông, tiếng khóc khi đói là giống tiếng mèo nên đã bị chó hoang ăn thịt như thế...

Họa diệt thân năm ấy đến bằng đủ cách. Ông Hằng nhớ ở làng có gia đình nhà ông Tác rất giàu có nhưng cũng chết đói cả nhà. Khi nạn đói ập đến, dân tình đem đủ đồ đạc, của cải, đồ gia bảo ra chợ bán tống bán tháo để lấy tiền mua gạo. Có cái nồi đồng bình thường đổi vài tạ thóc, lúc ấy chỉ đổi được vài ống lúa.

Nhà ông Tác đem hết thóc lúa đổi của cải. Khi hết lương thực dự trữ, ông bán đồ đạc thì không ai có tiền mua nữa. Thế là cả nhà chết rục bên mấy kho của cải. Riêng xã Tây Lương cũng có tới ba, bốn nhà giàu chết như vậy, như nhà ông Nguyễn Văn Tứ, Bùi Văn Dị.

Ở Thanh Hóa còn có người đào được vàng năm 1934 và trở thành hào phú, nhưng vì mua sắm nhiều thứ của người đói bán rẻ năm 1945 nên đến lúc hết tiền, bị đói không bán đồ được cũng chết. Ông này khi chết còn mặc áo dài, đội khăn xếp co quắp ở góc phi lao...

Đói ăn vụng, túng làm liều. Ông Hằng kể:

Tháng Ba Ất Dậu biết tin có thuyền thóc của Hàn Thùy (một hội đồng dân biểu) chở về qua sông Trà Lý, năm, sáu ông là Xiêm, Trật, Đót, Hỷ, Uẩn, Phiên... bày mưu cướp thóc. Đêm ấy họ đã ăn trộm được mỗi người một bị lúa chừng 10kg. Lệnh quan truy nã, tội phạm không ai kịp ăn đã phải đem lúa đi chôn.

Ông Đót bị bắt trời vào cột ven đường. Tên lính Nhật vung kiếm chém đôi vai, máu nhuộm đỏ chiếc áo bông rách nát. Những người còn lại cũng dần bị bắt rồi chết hết. Số lúa họ cướp được đem đi chôn ở đâu không ai biết.

Ông Nguyễn Văn Hợp (xã Quảng Đại, Quảng Xương, Thanh Hóa) đi lĩnh cháo phát chẩn chen nhau, bị hương kiểm bắt đánh đập, tẩm dầu vào tay đốt. Ông lết về đến nhà thì chết. Cả nhà cũng chết theo không còn một ai...

Cũng ở xã này, vợ chồng ông Viên Đình Thiện đói quá không chịu được cứ bốc vò trấu nhét mồm nhai mãi không chán. Nhai đến một lúc chồng lặn ra chết rồi vợ cũng chết theo, thối rữa ở trong nhà. Người làng đặt xác họ vào cái bồ rồi kéo đi chôn.

Ngoài thị xã Thái Bình có người bán cám cho Nhật để chúng cho ngựa ăn. Loại cám này những người bán hàng đã pha mùn cưa để bán cho người đói nhưng lính Nhật mua và cho rằng bị lừa nên đã mổ bụng ngựa, giết chết người bán cám và nhét vào bụng con vật mà khâu lại... Những câu chuyện rùng rợn và bi thương của nạn đói khiến nhiều người ám ảnh suốt cuộc đời. Họ không muốn nhắc lại vì dường như sợ những oan hồn ấy còn quanh quất đâu đây.

Năm 1945 cả tỉnh Thái Bình có 280.000 người chết đói, chiếm 25% tổng dân số. Nhiều địa phương chết tới trên 50% dân số như xã Tây Lương: 67%; Sơn Thọ, Thụy Anh (Thái Thụy): 79%; xã Thanh Nê (Kiến Xương) có 4.164 người thì chết gần 2.000 người; xã Tây Ninh (Tiền Hải) có 171 gia đình chết không còn một ai...

Ở Phủ Nghĩa Hưng, Nam Định mỗi ngày chết 400 người. Huyện Kim Sơn (Ninh Bình) cả vụ đói có 22.908 người chết. Trong 6.161 hộ thì có 1.571 hộ chết không còn người nào. Nam Định chết 212.218 người; Ninh Bình: 37.939 người, Hà Nam: 50.398 người.

Nạn đói năm 1945 đã diễn ra ở 32 tỉnh thành cũ từ Quảng Trị trở ra.

Tỉ lệ người chết đói tại các địa phương là 15%. Dân số Việt Nam năm 1945 tại 32 tỉnh thành lúc đó là trên 13 triệu người. Tổng cộng có trên 2 triệu người chết đói năm 1945.

HÀNH TRÌNH CỦA NHỮNG HỒN MA

Lũ lượt những đoàn người như hình nhân bỏ quê hương tìm lên phố xá, mong kiếm thứ bỏ vào mồm. Và cuộc hành trình ấy kéo dài từ xó nhà đến Hà Nội đã biến con người thành hồn ma xác quỷ. Hoặc là gục chết bên đường hoặc ngoại ngoác sống trong khổ nhục...

ĐOẠN TRƯỜNG ĐÀY Ỉ

Khi nghe nhắc tới hình ảnh những người đói kéo nhau lên Hà Nội, bà Chén (xã Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình) cố ngược đôi mắt mù lòa, lẩy bẩy đôi chân còm nhung đã phù đở để đi ra ngõ. Bà nhớ từ cái ngõ này, 60 năm trước bà đã ôm con hòa cùng đoàn người lê theo sự dẫn dắt của cái đói.

Đi đâu, về đâu thì không ai biết nhưng cứ từng đoàn từng đoàn rách rưới, gior xương, trũng mắt như quỷ đói âm thầm, dất dứu nhau đi. Họ không phân biệt được nam nữ, già trẻ. Chỉ có thể thấy những thân hình dài ngắn không đều mà đoán trẻ con hay người lớn mà thôi. Họ đi chậm. Không ồn ào, không cười nói. Thỉnh thoảng có người đổ gục xuống đường không giẫy giụa. Nhiều thầy người bắt động, mắt mở trừng trừng không biết sống hay chết.

Tại các công chợ, ngã ba, đầu cầu, gốc cây họ nằm ngời la liệt chìa tay ăn xin hay bới tìm lục lợi. Ngay đầu chợ, một người đàn bà có vẻ giàu có đi ngang qua, không hiểu bà ta kinh tởm hay ốm đau thế nào mà ôm bụng gập người nôn thốc nôn tháo. Hai ba đứa trẻ vội lao vào tranh nhau bóc bã nôn, hôi hả nhét vào mồm...

Bà Chén cũng gặp nhiều người ôm con nhỏ như mình. Những đứa trẻ còn sức thì khóc, không còn thì lả gục trên vai mẹ. Một người đàn bà xin được chút gì đó để ăn, bà ta kéo đầu con để chia cho nó. Gọi hỏi lâu người mẹ ấy mới biết con mình đã chết tự khi nào. Trong góc chợ lại có một người đàn bà nhe răng, trợn mắt nằm co quắp chết bên hai đứa trẻ.

Thằng bé chắc chừng một tuổi không biết gì cứ hí hục nhay vú mẹ cho đến tận lúc tối trời. Bà Chén đi hai ngày một đêm như thế thì đến thị xã Thái Bình... Một số chết, một số ở lại, còn bà Chén và những đoàn người đói rách vô hồn đó cứ như thế tiếp tục đi lên Hà Nội...

Một bức thư của một tác giả nước ngoài là Vespy viết tháng 4 năm 1945 tả về thảm cảnh của những cuộc hành trình này:

Họ đi thành rặng dài bất tuyệt, người nào người ấy rúm người dưới sự nghèo khổ, toàn thân lỏa lồ, gầy guộc gior xương, ngay cả những thiếu nữ đến tuổi dậy thì đáng lẽ hết sức e thẹn cũng thế.

Thỉnh thoảng họ dừng lại vuốt mắt cho một người trong bọn đã ngã và không bao giờ dậy được nữa, hay để lộ một miếng giẻ rách không biết gọi là gì cho đúng để che thân người đó. Nhìn những hình người xấu hơn con vật xấu nhất, nhìn thấy những xác chết nằm co quắp cạnh đường chỉ có vài nhành rom vừa làm quần áo vừa làm vải liệm, người ta thật lấy làm xấu hổ cho cái kiếp con người.

NHÂN TÍNH TIÊU TAN... VÌ ĐÓI

Lục tìm trong tâm khảm sâu thẳm, đau đớn nhưng chắc hẳn còn sáng rõ của mình, bà Chén nói:

Ánh mắt người đói lúc đó không có màu, không có thần. Nhiều lúc họ xử với nhau như thú đói, không nhân tính...

Bà Chén lúc ấy bế một đứa con nhỏ trên tay. Dành dụm suốt từ đầu vụ đói, bà còn được mấy hào trong túi để dành cho chuyến đi này.

Chợ Bo (thị xã Thái Bình) lúc đó là một bãi đất được căng lên những mảnh ni lông, đay hay lá khô trên những chiếc cọc tre xiêu vẹo. Cả một biển người nằm ngòl lê la bới rác, xin ăn chập chờn như những bóng ma. Vài người ngòl xồm ánh mắt láo liên đầy cảnh giác bên những cái thúng úp mặt và thường là có thêm một, hai người đàn ông to khỏe dựng đòn gánh đứng bên.

Đó là những người bán hàng. Khoai, ngô, hay bánh cám, bánh đúc... trộn đầy trấu hoặc mùn cưa... Ai mua hàng phải chia tiền. Đứng tới nửa ngày bà Chén mới cảm thấy có thể an toàn để lại gần người bán bánh hỏi mua. Thế nhưng đang định xé bánh cho con thì cả đám người đang nằm như thây ma vùng dậy vồ lấy mẹ con bà, tranh nhau chiếc bánh.

Những ngày sau, trên dặm hành trình địa ngục ấy, tất cả số tiền bà có đủ để mua ba chiếc bánh thì bà đều bị cướp hết. Cuối cùng bà cũng chỉ còn cách chờ nhặt rác rưởi, cọng rau, xin ăn và tham gia cướp của kẻ khác như họ đã cướp của bà để ăn. Bà không nhớ mình đi mấy ngày, mấy tuần hay mấy tháng thì tới Hà Nội.

Con trai bà Chén năm nay cũng đã ngoài 60 tuổi. Anh nói:

Những câu chuyện cướp bóc, thú tính trong nạn đói, 60 năm qua mẹ tôi không bao giờ muốn nhắc lại. Chỉ có một lần bà kể cho tôi nghe một câu chuyện kinh hoàng: khi bé con đi Hà Nội, qua sông Long Châu bà thấy có hai bố con nhà nọ đói lả, phù thũng, chắc là sắp đến lúc chết. Người con chừng 7-10 tuổi. Không hiểu lúc ấy họ kiếm được thứ gì, chắc là có thể ăn được nên hai người tranh nhau rất dữ. Đứa con co cả người nắm chặt tay bố. Hỏi lâu đây con ra không được, người cha liền co chân đạp con xuống cầu. Đứa trẻ cố níu lấy thành cầu, hai mắt không rời miếng ăn trên tay bố. Người cha lúc ấy kiên quyết hơn và ông ta đã đạp được đứa con rơi xuống nước rồi ngấu nghiến nhét thứ đó vào mồm...

Ông Viên Đình Hữu đói quá quẳng con trai 4 tuổi xuống sông Đơ. Ông Hoàng Bảo ở xóm Cháy (Đông Hưng, Thái Bình) thấy bố của ông Bắc (cùng xóm) thổi nồi com. Ông Bắc bóp cổ bố đến chết để ăn một mình...

Suốt chặng đường khổ ải từ quê nhà lên Hà Nội, bà Chén còn gặp rất nhiều cảnh mẹ bỏ rơi con, chồng chạy trốn vợ, rồi cướp bóc, giết chóc lẫn nhau vì miếng ăn một cách đau thương và rùng rợn như vậy. Nhưng Hà Nội lúc này cũng là địa ngục...

HÀ NỘI – ĐIỂM HẸN SINH TỒN

Ông Nguyễn Ngọc Liên, 82 tuổi, kể:

Ngày đó nhà tôi ở 233 phố Huế. Bắt đầu từ mùa đông năm 1944, tôi đã thấy những đoàn hình nhân vô cùng thảm hại ùn ùn dẫm nhau qua các phố. Áo quần họ là miếng giẻ buộc túm dính vào những bộ xương lác lác. Những cái đầu trơ sọ, dính hai con mắt vàng trũng thất thần. Ban đầu người hàng phố cho họ ăn những thứ có thể, nhưng càng ngày họ đến càng đông, hết lớp này đến lớp khác. Họ nằm, bò, lê và chết gục khắp đường, ngõ, vỉa hè... Ai còn sống thì cứ lang thang xin ăn, không ít trường hợp cướp giật, móc mồm người khác giành ăn. Cửa bố thì không thể đủ cho đoàn người đói khát. Họ chết ngày một nhiều. Một buổi sáng tôi vừa mở cửa thì hai xác chết lạnh cứng đổ ập vào tôi. Đến tận bây giờ tôi vẫn không quên được cảm giác hãi hùng và xót thương lúc đó.

Ông Đặng Văn Cự, 87 tuổi, nói:

Ban đầu cũng chia sẻ với bà con nhưng chúng tôi cũng đói, lương thực cạn kiệt và trước cảnh tàn ác của Pháp-Nhật thì cũng không dám chắc mai này mình có thoát cảnh ma đói hay không. Trong thành phố, nhiều thanh niên, nhà hảo tâm thành lập đoàn khát thực có trung tâm ở phố Hàng Da, quyên góp cơm cháo chia cho bà con. Nhưng vì số lượng quá lớn, tổ chức chỉ là tình cảm của một số người có điều kiện nên đoàn khát thực tồn tại không được bao lâu. Chúng tôi cũng bị cướp giật bánh trái, ngô khoai, nhưng không ai nỡ đánh đập người đói mà chỉ tránh né. Người làng tôi bán bánh thì làm bằng đất bầy ở quây, mẹt, thúng. Ai mua thì mới đến chỗ khác lấy bánh thật ra. Ai cướp thì chỉ cướp được bánh đất mà thôi.

Cảnh người đói sinh trộm cướp và bị giết chóc thì nhiều lắm. Ông Liên nhớ:

Một buổi chiều một đoàn bốn chiếc xe bò chở những bì lúa chất cao 3-4m. Mỗi xe có một người kéo và bốn người đẩy. Phía trước và sau có 9-10 tên lính Nhật súng guom tuốt trần áp tải. Một người trong đám phu xe, bí mật dùng một chiếc dùi thép chừng 20 phân đâm một lỗ nhỏ vào bao lúa và gi một chiếc túi vải con vào hứng dòng lúa chảy. Tên lính Nhật phát hiện. Không nói gì, hấn dùi mũi kiếm đâm xuyên lưng người móc gạo. Nạn

nhân rú lên một tiếng rồi đổ gục xuống đường, lênh láng máu. Đoàn xe vẫn tiếp tục đi...

Những dòng người khát thực đã kéo nhau đi trong đói lả vật vờ... Rồi họ cũng tìm đến điểm cuối cùng của cuộc hành trình – nơi chấm dứt mọi nỗi dày vò đau đớn của một kiếp người. Của triệu kiếp người...

NƠI ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN

Theo Báo *Bình Minh* ra ngày 12 tháng 4 năm 1945, những người Việt Nam hào tâm khi thành lập đoàn khát thực để cứu trợ đồng bào đã lập một trại tế bần. Bắt đầu từ ngày 9 tháng 4, có 2.000 người ăn xin đã được đưa xuống đó, được phát cháo và nghỉ ngơi. Sau đó, những người ốm đau, hấp hối cũng được đưa về trại bằng xe bò.

Khi người đói chưa nhiều, trại còn có ngày hai bữa phát chẩn. Nhưng chỉ sau vài tuần số người tự tìm đến đã đông hàng vạn. Lương thực dù có nhiều đến mấy cũng không đủ cho mỗi người một bát cháo/ngày.

Ông Nguyễn Văn Điền ở Giáp Bát kể:

Mọi ngã đường chết đói của thành phố đều dồn về đây, từng đoàn từng đoàn những hình nhân tưởng như bất tận. Họ ngồi chật kín trại, kín cổng trại, kín cả đường vào trại và vật vờ, xiêu vẹo trên cổng Phố Hàn, gặp ai cũng chìa tay xin ăn. Từ đây trại Giáp Bát trở thành nơi chứa người chết đói.

Báo *Tin Mới* số ra ngày 29 tháng 4 năm 1945 viết:

Tám bảng treo trước cổng trại ghi: ngày 26/4: buổi sáng số người còn lại 3.020 - số người chết 16. Buổi chiều, số người mới vào 2.000, số người chết 18.

Ông Điền kể:

Đó là số người trong trại, còn những người chờ chực bên ngoài thì nhiều vô kể và họ chết bất cứ lúc nào.

Ông nhớ mãi hình ảnh một cụ già tuy đã đói khổ nhiều ngày nhưng nhìn rất quắc thước, đạo mạo. Cụ ngồi trên cổng Phố Hàn giống mọi người. Nhưng điều rất đặc biệt là cụ không xin ai một câu nào. Ai cho thì nhận. Ánh mắt cụ rất buồn, long lanh chứ không vàng nhợt vô hồn. Cụ ngồi đó mấy ngày rồi không ai thấy nữa. Người trong và ngoài trại chết ngày một nhiều. Khẩu phần lương thực phân phát cho người đói thành muối bỏ biển và tạo nên những cuộc tranh giành thảm khốc. Nhưng rồi hàng vạn sinh linh ấy cũng “gặp nhau” trong những cuộc mai táng đau thương...

NHỮNG HỒ CHÔN TẬP THỂ

Bà Chén (Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình) vẫn sống trên mảnh đất quê nhà Tây Lương. Bao đau bề đời, tâm khảm không ngừng muốn xóa nhòa quá khứ đau thương, khiến nhiều câu chuyện, nhiều dấu tích của nạn đói đã không còn lưu giữ trong bà. Nhưng bà vẫn biết rằng dưới ba thước đất, trong lòng đất quê hương, những ánh mắt trẻ, những tiếng khóc già cùng sự quằn quại của những linh hồn đói khát vẫn còn đó.

Còn đó trong những nắm mồ chôn vùi hàng chục, hàng trăm sinh mạng không hương khói, không mộ chí, không gỗ ván – ở quê hương bà đó là gò Ông Cắm, gò Lâu nằm giữa cánh đồng thôn Hiên bát ngát cánh cò...

Bà nhớ khi người chết đói quá nhiều, trai đinh, lính tuần khuân xác người trong những manh chiếu, mảnh vó buộc túm hai đầu, quăng xuống những cái hố to như cái ao ròi lấp. Hôm nay lấp hố này, mai lại lấp hố khác. Khi không còn chiếu, còn vó, còn bao bố và không còn cả sức người thì họ lấy dây thừng, dây thép buộc vào cổ, vào tay, chân những thầy người khô khăng đó, cho trâu, bò kéo lê theo đường ruộng hoặc trên bùn ướt rồi quăng xuống hố.

Rất nhiều địa phương như Hải Phòng, Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định... đã đặt tên cho những hố chôn tập thể như thế thành cồn Ma, mả Quán, mả Đói, gò Ma... Tuy nhiên nhắc đến hố chôn tập thể thì khủng khiếp nhất vẫn là ở Hà Nội.

Ông Nguyễn Ngọc Liên kể:

Ngày ngày sếp đội mặc quần soóc, chạy ra phố huýt một tiếng, đám đông khát thực liền chạy ủa lại. Sếp chỉ tay vào chiếc xe kéo thùng gỗ hai bánh, nói vài câu rồi chia hai người một xe kéo rong ruổi suốt từ phố Hàm Long đến chợ Mơ, rồi dọc tuyến Hàng Đẫy, Tràng Tiền... về gần cầu Giấy đi nhặt xác người.

Mới đầu người ta còn bọc chiếu, sau thì chỉ túm đầu, túm chân quẳng lên thùng xe. Trẻ con, người già, đàn bà, đàn ông, đầu, tay chân... lủng lẳng hoặc kéo lê trên đất. Ngày nào cũng vài chục xe như vậy rong ruổi. Máy người kéo xe kể:

Nhiều hôm họ quăng xác chết lên xe, trong xe có tiếng thều thào... Có anh xe dừng lại bới đống xác thì không thấy ai kêu nữa. Có anh xe thì nói vọng vào: “Thôi đừng nào cũng ra nghĩa địa thì đi đi kéo mả không ai chôn.”

Mọi chuyến xe đều đổ về hai nghĩa trang Hợp Thiện và Phúc Thiện nằm ở cánh đồng ngoại ô hai đầu nam-bắc thành phố. Tại nghĩa trang người ta đào những cái hố sâu 3-4m, dài rộng hàng chục mét, quăng xác chết xuống đó rồi rắc vôi bột lên trên và lấp. Từ khi xuất hiện trại tế bần Giáp Bát với lượng người chết 30-50 người mỗi ngày thì cánh đồng xung quanh cũng trở thành những hố chôn người.

Ông Điền kể rằng sau nạn đói, cánh đồng Giáp Bát lúa năm ấy không trồng nhưng từ những gốc rạ vẫn trổ đòng xanh ngấn ngắt. Người ta tranh nhau đi gặt. Gặt xong cày bừa, tung lên bao nhiêu đầu lâu, chân tay. Còn ở cánh đồng thôn Hiên, những đêm đông rét buốt hoặc những buổi trăng rằm sương lạnh trước vụ mùa, bà Chén vẫn như nghe thấy ngoài gò Ông Cẩm xôn xao tiếng người như họp chợ. Phiên chợ của những hồn ma đói khát...

HÃY ĐÒI HỎI CÔNG LÝ CHO NHỮNG NGƯỜI NẪM XUỐNG

Nếu không có những cuộc xâm lược của Nhật, sự thống trị của người Pháp, và những vụ cướp các kho gạo cứu đói của Việt Minh thì đã không có nạn đói khủng khiếp bao trùm lên thân phận người Việt sinh sống ở miền Bắc thời đó, tạo thành ký ức tàn khốc qua bao nhiêu thế hệ con cháu Lạc Hồng!

Pháp và Nhật, hai tác nhân ngoại quốc chính gây ra cái chết của trên 2.000.000 người Việt vẫn chưa có một lời xin lỗi, không một bồi thường nào về nạn đói 1945 tại Bắc Việt để chứng tỏ con người còn một chút lương tâm nhân loại. Ngoài Nhật và Pháp, còn có kẻ tòng phạm đã gián tiếp gây những điều linh cho đồng bào, kẻ tòng phạm này đã bất chấp sinh mạng của đồng bào, chỉ chú trọng đến quyền lợi đảng phái của họ mà thôi. Người nước ngoài làm hại dân Việt đã là một tội lỗi nhân loại. Người cùng trong nước, miệng hô hào yêu tổ quốc và đồng bào, mà vì quyền lợi đảng phái và vì theo đuổi chủ nghĩa cộng sản ngoại lai, quên đi tình nghĩa dân tộc, tàn bạo đẩy dân chúng Việt Nam vào cõi chết, đó là một tội lỗi dân tộc không thể dung thứ được.

Dầu đã quá chậm, nay đến lúc người Việt Nam hãy cùng nhau đòi hỏi công lý cho những người đã nằm xuống, cho những oan hồn uổng tử đã lìa trần trong nạn đói kinh hoàng nhất của lịch sử Việt Nam do chính con người đã hành hạ con người, và đặc biệt do một nhóm thiểu số người Việt giấu mặt đã giết hại dân Việt. Nhóm thiểu số giấu mặt đó chính là Việt Minh Cộng Sản.